

Bản án số: 334/2024/HC-PT

Ngày: 27-8-2024

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Anh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 95/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1482/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà R: Ông Khổng Thế B, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt. (Bà H, bà R đã chấm dứt ủy quyền cho ông Bùi Đình T tại văn bản chấm dứt hành vi ủy quyền ngày 30/7/2024 và ủy quyền cho ông Khổng Thế B tham gia tố tụng

theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2024).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2023).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; Ông Võ Quang H1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn P.
2. Bà Nguyễn Thị Thu T2 và ông Trần Văn T3.
3. Ông Nguyễn Tiến V và bà Tăng Thị Kiều N.
4. Ông Bùi Văn H2.
5. Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn H3.
6. Ông Bùi Ngọc O và bà Triệu Tường V1.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tất cả đều vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Bùi Thị H trình bày:** Hộ gia đình bà gồm các thành viên bà cùng với chồng là ông Nguyễn Văn P; con gái Nguyễn Thị Thu T2 và con rể là Trần Văn T3; Con trai Nguyễn Tiến V và con dâu Tăng Thị Kiều N. Các thành viên gia đình bà cùng chung sống trên thửa đất số 131, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 59-1), diện tích 1.140m², trong đó có 300m² đất ở tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà vào ngày 30/8/2013. Ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 7985/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ thửa đất nêu trên của gia đình bà, để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B; Ngày 06/6/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 5737/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định

cur khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 5748/QĐ-UBND và ngày 26/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 7471/QĐ-UBND, giao cho gia đình bà 02 thửa đất tái định cư, là thửa đất số 1846 và thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 17, tại thôn A xã H, thành phố B. Các con của bà là vợ chồng bà T2, ông T3; vợ chồng ông V, bà N cùng chung sổ hộ khẩu với gia đình bà nhưng đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng, theo luật Cư trú. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, thì gia đình bà được giao 03 thửa đất tái định cư. Mặc dù, gia đình bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm cho hộ gia đình bà 01 thửa đất tái định cư nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B không chấp nhận. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải giao thêm cho hộ gia đình bà 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

*** Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Bùi Thị R trình bày:** Hộ gia đình bà gồm các thành viên là bà cùng với chồng là ông Bùi Văn H2; con gái Bùi Thị Ngọc L và con rể là Nguyễn Văn H3; Con trai Bùi Ngọc O và con dâu Triệu Tường V1. Các thành viên gia đình bà, cùng chung sống trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 07 (nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 59), diện tích 62m², là đất ở tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà vào ngày 09/6/2010.

Ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 8269/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ thửa đất nêu trên của gia đình bà, để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B. Ngày 06/6/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 5737/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 5767/QĐ-UBND, giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư, là thửa đất số 1916, tờ bản đồ số 17, tại thôn A, xã H, thành phố B. Các con của bà, là vợ chồng bà L, ông H3; vợ chồng ông O, bà V1 cùng chung sổ hộ khẩu với gia đình bà nhưng đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng, theo luật Cư trú. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, thì gia đình bà được giao 03 thửa đất tái định cư. Mặc dù, gia đình bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B, giao thêm cho hộ gia đình bà 02 thửa đất tái định cư nhưng

Ủy ban nhân dân thành phố B không chấp nhận. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải giao thêm cho hộ gia đình bà 02 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

*** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:** Ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 7985/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ thửa đất số 32, tờ bản đồ số 59- 1, diện tích 1.160,7m², trong đó có 300m² đất ở tại xã H, thành phố B, của hộ gia đình bà Bùi Thị H, để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B. Cũng trong ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 8296/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 59, diện tích 69,9m² trong đó có 62m² đất ở tại xã H, thành phố B, của hộ gia đình bà Bùi Thị R, để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B. Hộ gia đình bà H và hộ gia đình bà R, bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H, thành phố B, nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư. Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 1 Điều 1 Quyết định số: 27/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, năm 2022 Ủy ban nhân dân thành phố B giao cho hộ gia đình bà H 02 thửa đất tái định cư, là đúng với quy định của pháp luật; Hộ gia đình bà R bị thu hồi 62m² đất ở, năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố B giao cho gia đình bà R 01 thửa đất tái định cư diện tích 120m² là đúng quy định và gấp gần 02 lần diện tích đất bị thu hồi, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của H, bà R.

*** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P trình bày:** Ông là chồng bà Bùi Thị H, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

*** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị Thu T2; ông Nguyễn Tiến V, bà Tăng Thị Kiều N trình bày:** Các ông, bà là con bà Bùi Thị H; các ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

*** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn H2 trình bày:** Ông là chồng bà Bùi Thị R, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà R.

*** Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H3, bà Bùi Thị Ngọc L; ông Bùi Ngọc O, bà Triệu Tường V1 trình bày:** Các ông, bà là con bà Bùi Thị R; các ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà R.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04/3/2024 Tòa

án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị R.

1. Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân thành phố B, không giao thêm đất tái định cư cho hộ gia đình bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị R là trái pháp luật.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà Bùi Thị R 02 thửa đất tái định cư và giao thêm cho hộ gia đình bà Bùi Thị H 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tổ tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H và bác một phần yêu cầu của bà Bùi Thị R về việc yêu cầu U giao thêm 01 lô đất tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tổ tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng

mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B thì thấy:

Bà Bùi Thị H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 59-1), diện tích 1.160,7m², trong đó có 300m² đất ở tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Bùi Thị H vào ngày 30/8/2013; Bà Bùi Thị R có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 07 (nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 59), diện tích 69,9m², trong đó có 62m² là đất ở tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Bùi Thị R vào ngày 09/6/2010.

Ngày 12/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B, ban hành Quyết định số: 7985/QĐ-UBND và Quyết định số: 8296/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ thửa đất số 32 của gia đình bà H và thu hồi toàn bộ thửa đất số 108 của gia đình bà R, để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B. Hộ gia đình bà H và hộ gia đình bà R, bị thu hồi hết đất ở và không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã H, thành phố B, nên đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời giao cho bà Bùi Thị H 02 lô đất tái định cư theo các quyết định số 5748 /QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và 7471/QĐ-UBND ngày 26/8/2022, mỗi lô đất tái định cư có diện tích 144m², giao cho bà Bùi Thị R 01 lô đất tái định cư có diện tích 120m² theo quyết định giao đất số 5767 /QĐ-UBND ngày 06/6/2022.

UBND thành phố B cho rằng việc bố trí đất tái định cư như trên là đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Nhận định của tòa án cấp sơ thẩm cho rằng:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 để giao cho hộ gia đình bà H 02 thửa đất tái định cư, là trái với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, ngày 15/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định này, có hiệu lực thi hành từ ngày 25/3/2022 và thay thế Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, thay thế Điều 1 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; nên kể từ ngày 25/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B, phải căn cứ

Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND để xem xét, giải quyết việc giao đất tái định cư, cho người dân có đất bị thu hồi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Trước khi bị thu hồi đất, vợ chồng bà H, ông P cùng với các con của mình là vợ chồng bà T2, ông T3; vợ chồng ông V, bà N cùng chung sống trên thửa đất số 32. Vợ chồng bà R, ông H cùng với các con của mình là vợ chồng bà L, ông H3; vợ chồng ông O, bà V1 cùng chung sống trên thửa đất số 108; Các cặp vợ chồng bà T2, ông T3; ông V, bà N; bà L, ông H3; ông O, bà V1 đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng, theo quy định của pháp luật về cư trú.

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, thì hộ gia đình bà H và hộ gia đình bà R được giao 03 thửa đất tái định cư. Bởi lẽ, khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP quy định: Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này, mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

Khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/QĐ-UBND quy định: Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng, theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi, nếu số thửa được giao tái định cư, không đủ bố trí cho từng hộ gia đình, thì giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ vào quỹ đất ở, để quyết định giao đất tái định cư cho từng hộ. Thửa đất giao thêm là thửa đất có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư.

Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị R. Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân thành phố B, không giao thêm đất tái định cư cho hộ gia đình bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị R là trái pháp luật; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà R 02 thửa đất tái định cư, giao thêm cho hộ gia đình bà H 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành).

* Những sai sót của tòa án cấp sơ thẩm:

- Xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính, để từ đó buộc U phải ban hành quyết định giao thêm đất tái định cư cho hộ bà H, bà R là không đúng. Trong trường hợp này, nếu cấp sơ thẩm cho rằng việc bố trí đất tái định cư cho bà H, bà R khi thu hồi đất là không đúng quy định của pháp luật đất đai và quy định của UBND tỉnh Đ khi thực hiện thu hồi đất và bố trí đất tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì tuyên hủy 1 phần Quyết định số 5737/QĐ-UBND ngày 6/6/2022 của UBND thành phố B về phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, TP. đối với nhiều hộ trong đó có hộ bà Bùi Thị H và Bùi Thị R và hủy toàn bộ các Quyết định số 5748/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và 7471/QĐ-UBND ngày 26/8/2022, giao cho bà Bùi Thị R 01 lô đất tái định cư theo quyết định giao đất số 5767/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 để U ban hành các quyết định mới giao đất tái định cư cho các hộ bà H, Bà R theo đúng quy định của pháp luật.

- Hộ bà Bùi Thị H có diện tích đất bị thu hồi là 1.160,7m², trong đó có 300m² đất ở, được bố trí 02 lô đất tái định cư, Hộ bà Bùi Thị R bị thu hồi 69,9m² (trong đó có 62m² đất ở và 7,9m² đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và đã được bố trí 01 lô đất tái định cư có diện tích 120m² đất ở là đã vượt quá diện tích đất bị thu hồi nhưng tòa án cấp sơ thẩm nhận định và buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định bố trí thêm 02 lô đất tái định cư cho bà R, thêm 01 lô đất tái định cư cho bà H là không đúng thẩm quyền, đó là thẩm quyền của UBND thành phố B. Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính hoặc việc thực hiện hành vi hành chính chứ không thể làm thay thẩm quyền của Ủy ban.

Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định.

[4]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo UBND thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm, nghĩa vụ nộp án phí được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

1. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, hủy toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa người khởi kiện bà Bùi Thị H, Bùi Thị R với người bị kiện Ủy ban nhân

dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố B số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0012804 ngày 01/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phùng Anh Dũng